

**DISCOURSE ON WOMEN IN THE
HISTORICAL NOVEL *TU DU THAI HAU*
BY TRAN THUY MAI**

Vu Thi Hanh

*Faculty of Journalism – Communication, Thai
Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen
University, Thai Nguyen province, Vietnam*

Coessponding author Vu Thi Hanh,
e–mail: hanhvt@tnus.edu.vn

Received February 14, 2025.

Revised February 22, 2025.

Accepted February 24, 2025.

**DIỄN NGÔN VỀ GIỚI NỮ TRONG
TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ *TỪ DỤ
THÁI HẬU* CỦA TRẦN THUY MAI**

Vũ Thị Hạnh

*Khoa Báo chí – Truyền thông, Trường Đại
học Khoa học, Đại học Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Vũ Thị Hạnh,
e–mail: hanhvt@tnus.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/2/2025.

Ngày sửa bài: 22/2/2025.

Ngày nhận đăng: 24/2/2025.

Abstract. In the the 21st century, Vietnamese literature has witnessed the emergence of female writers whose works show unique identities, contributing significantly to the strong transformation of literary landscape. The appearance of female writers in the novel genre, especially historical novels, with *Tu Du Thai Hau* by Tran Thuy Mai as a notable case, has contributed to bringing issues related to women to the center of literary discourse. This article, utilizing discourse theory and feminist criticism, points out issues related to women in many aspects: discourses on the power and position of women in monarchical society, discourses on love and marriage, the truth discourse as the antithesis and reinterpretation of issues related to women. This study shows that Tran Thuy Mai understands the pain of women and at the same time interprets issues that have not been clarified in official history from other perspectives. This approach affirms the literary value of the novels by Tran Thuy Mai and the unique features in her discourse on women.

Keywords: discourse, feminism, female sex, *Tu Du thai hau*, Tran Thuy Mai.

Tóm tắt. Bước sang thế kỉ XXI, văn học Việt Nam ghi nhận sự nở rộ của các cây bút nữ với những sáng tác mang đậm bản sắc riêng, góp phần quan trọng trong bước chuyển mình mạnh mẽ của đời sống văn học. Sự xuất hiện của các nhà văn nữ ở thể loại tiểu thuyết – đặc biệt là tiểu thuyết lịch sử (*Từ Dụ thái hậu* của Trần Thủy Mai là trường hợp tiêu biểu) đã góp phần đưa những vấn đề liên quan đến giới nữ vào vị trí trung tâm của đời sống văn học. Trong công trình này, với việc kết hợp lí thuyết diễn ngôn và lí thuyết phê bình nữ quyền, tác giả đã chỉ ra những vấn đề liên quan đến giới nữ trên nhiều phương diện: diễn ngôn về quyền lực và vị thế của giới nữ trong xã hội quân chủ; diễn ngôn về tình yêu, hôn nhân; diễn ngôn về sự thật – phản đề và tái diễn giải những vấn đề liên quan đến giới nữ. Nghiên cứu này cho thấy Trần Thủy Mai thấu hiểu nỗi đau của người phụ nữ đồng thời diễn giải về những vấn đề chưa được làm rõ trong lịch sử chính thống từ góc nhìn khác. Từ góc độ tiếp cận này, tác giả khẳng định giá trị tác phẩm và những nét riêng độc đáo trong diễn ngôn về giới nữ của Trần Thủy Mai.

Từ khóa: diễn ngôn, phê bình nữ quyền, giới nữ, *Từ Dụ thái hậu*, Trần Thủy Mai.

1. Mở đầu

Sự nở rộ của các cây bút nữ ở Việt Nam trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu bộ phận văn học này nhằm khẳng định giá trị cũng như những nét riêng độc đáo của

các nhà văn nữ. Nếu như trước đây các nhà văn nữ mới chỉ khẳng định tiếng nói của mình ở những thể loại cỡ nhỏ (thơ, truyện ngắn) thì nay – với việc dùng cảm ghi tên mình ở thể loại tiểu thuyết – họ đã góp phần đưa những vấn đề của giới mình vào trung tâm của đời sống văn học. Sự phát triển mạnh mẽ của văn học nữ cùng với sự ra đời của lí thuyết phê bình nữ quyền đã hình thành khuynh hướng phê bình văn học từ lí thuyết phê bình nữ quyền trong văn học Việt Nam: [1] – [7].

Sáng tác của các nhà văn nữ đã có bước phát triển mới nhờ việc ghi dấu tên tuổi của họ ở địa hạt tiểu thuyết lịch sử. Thông qua những tiểu thuyết lịch sử (Trần Thủy Mai với *Từ Dụ thái hậu*, *Công chúa Đồng Xuân*; Lục Hường với *Nguyên khí ngàn đời*, Trường An với *Thiên nhạc*, *Thiên hạ chi vương*, *Vũ tịch*, *Hồ Dương*; Trần Thị Trường với *Ngày cuối cùng của dâm phụ*; Vũ Thanh Lịch với *Má đào...*), các nhà văn nữ đã góp phần đưa sáng tác vốn thường xoay quanh những đề tài “bé mọn”, nay mở rộng trường nhìn để hướng đến những khám phá mới mẻ về lịch sử từ điểm nhìn nữ giới. Đúng như nhà nghiên cứu Thái Phan Vàng Anh đã khẳng định: “Ở Việt Nam, không nhiều nhà văn nữ viết về đề tài lịch sử. Việc viết tự sự hư cấu về lịch sử, tự nó, là một sự “khác”, nếu đặt trong những hệ đề tài mà các tác giả nữ thường quan tâm. Với hàng loạt tiểu thuyết, truyện ngắn lịch sử của các nhà văn nữ, lịch sử đã được diễn giải từ cái nhìn của nữ giới” [8]. Mặc dù trong tiểu thuyết lịch sử được viết bởi các nhà văn nam cũng có đề cập đến người phụ nữ nhưng “dường như chỉ ở tác phẩm của các nhà văn nữ, phụ nữ mới trở thành nhân vật trung tâm, là tâm điểm để nhận diện và lí giải lịch sử từ những góc nhìn khác, gắn liền với đặc trưng của giới” [8]. Với những ý nghĩa như vậy, việc nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử của các nhà văn nữ từ góc nhìn phê bình nữ quyền là một hướng tiếp cận có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

Trong số không nhiều nhà văn nữ viết tiểu thuyết lịch sử, Trần Thủy Mai được xem là người mở đường thành công. Với *Từ Dụ thái hậu* [9], [10], Trần Thủy Mai đã được nhận nhiều giải thưởng: Giải nhất cuộc thi tiểu thuyết lần thứ 5 (2016–2019) do Hội Nhà văn tổ chức và Giải Sách hay 2020 do Viện giáo dục IRED, Dự án Khuyến đọc Sách Hay và Sáng kiến OpenEdu đồng tổ chức. Tác phẩm đã mở ra những diễn giải lịch sử từ điểm nhìn của nữ giới – đặc biệt với một số vấn đề còn chưa được làm rõ trong chính sử. Điều đó lí giải vì sao cho đến nay đã có không ít những công trình nghiên cứu về vấn đề giới nữ trong tiểu thuyết này: [6], [8], [11]...

Bên cạnh hướng tiếp cận từ góc nhìn nữ quyền, trong những năm gần đây, sự phát triển của xu hướng nghiên cứu văn học từ lí thuyết diễn ngôn đã mở ra khả năng kết hợp hai hướng tiếp cận này trong nghiên cứu văn học. Từ một số công trình nghiên cứu về lí thuyết diễn ngôn [13], [14]), xu hướng kết hợp lí thuyết diễn ngôn với phê bình nữ quyền đã được hình thành [15], [17]. Nghiên cứu diễn ngôn về giới nữ trong *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thủy Mai chính là một sự tiếp nối, bổ sung thêm cho những nghiên cứu về tác phẩm để việc tiếp nhận, giải mã tác phẩm này càng thêm sâu sắc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lí thuyết diễn ngôn và lí thuyết phê bình nữ quyền

2.1.1. Lí thuyết diễn ngôn

Sự phát triển mạnh mẽ của phân tích diễn ngôn trong khoa học xã hội và nhân văn đã đưa đến sự xuất hiện của nhiều lí thuyết diễn ngôn khác nhau. Kế thừa thành tựu của những người đi trước, trong công trình này, tác giả lựa chọn quan điểm diễn ngôn của M. Foucault làm nền tảng để luận giải những vấn đề liên quan đến giới nữ trong *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thủy Mai.

M. Foucault cắt nghĩa nội hàm khái niệm diễn ngôn (discourse) từ rất nhiều góc độ. Nhà nghiên cứu đã đưa ra ba định nghĩa về diễn ngôn như sau [11]: (1) diễn ngôn bao gồm “tất cả các phát ngôn hoặc văn bản mang nghĩa và có một hiệu lực nào đó trong thế giới hiện thực”; (2) diễn ngôn như là “một nhóm các nhận định được cá thể hoá” (diễn ngôn nữ quyền, diễn ngôn nam tính, diễn ngôn phân tâm học); (3) diễn ngôn “như một hoạt động được kiểm soát/ điều chỉnh nhằm tạo nên một tập hợp các nhận định”. Từ các định nghĩa trên, diễn ngôn đã được xem xét

như một yếu tố nằm trong mối quan hệ tay ba giữa diễn ngôn – tri thức và quyền lực. Trong công trình này, tác giả quan tâm hơn cả là định nghĩa thứ hai về diễn ngôn: diễn ngôn nữ quyền.

Quan điểm diễn ngôn của M. Foucault dành một vị trí đặc biệt cho sự quan tâm đến vấn đề quyền lực/ tri thức (diễn ngôn): “phân tích diễn ngôn, trên thực tế, là *phân tích những tương quan quyền lực/tri thức trong hoạt động kiến tạo và truyền bá diễn ngôn*” [11].

2.1.2. Lí thuyết phê bình nữ quyền

Lí thuyết phê bình nữ quyền bước đầu xuất hiện ở những quốc gia phát triển ở phương Tây như Pháp, Anh, Mỹ sau đó lan rộng ra nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Nền tảng cho sự ra đời của lí thuyết này chính là nỗ lực khái quát hoá trên cơ sở thành tựu của những nghiên cứu giải phẫu học, tâm lí học, xã hội học...

Lấy những vấn đề liên quan đến giới nữ làm đối tượng nghiên cứu, phê bình nữ quyền dành sự quan tâm đặc biệt đến những sáng tác được viết bởi các nhà văn nữ. Lí thuyết phê bình nữ quyền hướng tới khám phá, cắt nghĩa, lí giải những vấn đề liên quan đến giới nữ trên cả phương diện nội dung lẫn hình thức. Hành trình ấy được tiến hành dựa trên các hướng tiếp cận cụ thể như: tiếp cận tác phẩm như là mô thức về sự khác biệt giới tính; tiếp cận tác phẩm như là mô hình ý thức hệ đặc trưng; tiếp cận tác phẩm như là mô hình quyền lực...

2.2. Diễn ngôn về giới nữ trong *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai

2.2.1. Diễn ngôn về quyền lực và vị thế của giới nữ trong chế độ xã hội quân chủ

Tiểu thuyết *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai không chỉ là diễn ngôn về cuộc đời của một nhân vật nữ quyền lực nhất triều Nguyễn mà còn là diễn ngôn sâu sắc về quyền lực và vị thế của giới nữ trong xã hội quân chủ từ điểm nhìn nữ giới. Nhân vật trung tâm của tiểu thuyết – Từ Dụ thái hậu – từ một cung phi (Phạm Thị Hằng) tiến cung khi mới 13 tuổi – sau bao thăng trầm biến cố – đã trở thành hoàng quý phi rồi thành thái hậu. “Đó là một câu chuyện rất dài với nhiều khổ đau, hạnh phúc, vinh quang và cả thị phi, tai tiếng” [9; 5]. Đặt điểm nhìn trần thuật vào nhân vật Từ Dụ, lịch sử cuộc đời của những phi tần trong bốn đời vua triều Nguyễn (từ Gia Long – Minh Mạng – Thiệu Trị – Tự Đức) cũng được soi sáng từ góc nhìn của “người trong cuộc”. Nhờ đó, tác phẩm là diễn ngôn sâu sắc thể hiện cho sự lệ thuộc, bị kiểm soát, bị lấn át của phụ nữ trong không gian quyền lực tối cao của nam giới.

Triều Nguyễn trong tương quan so sánh với các triều đại phong kiến trước đó – là triều đại thể hiện mạnh mẽ nhất tính chất gia trưởng của chế độ quân chủ chuyên chế (với lệ “Tứ bất lập” được đặt ra từ thời vua Minh Mạng). Dưới chế độ xã hội này, sự tiếp nối các vị vua triều Nguyễn là sự tiếp nối theo chế độ cha truyền con nối, tôn ti trật tự nghiêm ngặt nhằm mục đích duy trì và củng cố vững chắc cho quyền lực tối cao của vua. Vua là nơi tập trung tất cả mọi quyền lực – được xem như Trời – như cha của muôn dân – tượng trưng cho những quyền lực tối thượng – quyền lực tuyệt đối – quyền cai trị mà không bị ràng buộc với bất cứ cơ quan quyền lực nào (vai trò lập pháp cũng nằm trong tay vua). Đúng như đại thần Lê Văn Duyệt đã nhận xét: “Nhìn lại những chính sách từ khi hoàng đế lên ngôi – từ chuyện không lập tể tướng, không lập hoàng hậu, chuyện ban hành các bài *Đế hệ thi* và *Phiên hệ thi*, chuyện bắt dòng dõi các phiên vương đổi từ Nguyễn Phúc thành Tôn thất, rồi đến chuyện này (nghi án Mỹ Đường)... Tất cả đều nhằm vào một việc là củng cố quyền lực của hoàng đế” [9; 322]. Dưới vua, tất cả là bề tôi và đã là bề tôi thì “tất nhiên phải tuyệt đối trung thành với hoàng thượng” [9; 36]. Hệ thống gia trưởng ấy đã đặt ra những tiêu chuẩn nhằm kiểm soát chặt chẽ đối với người phụ nữ: người phụ nữ phải tuân thủ tôn ti trật tự, phải tam tòng tứ đức. Những tư tưởng gia trưởng ấy đã trở thành công cụ kiểm soát người phụ nữ, buộc người phụ nữ phải phục tùng, không thể kháng cự.

Trong chế độ gia trưởng, vị thế của người phụ nữ luôn tồn tại ở thế thấp kém, trở thành đối tượng bị chế ngự, bị kiểm soát, thậm chí có thể bị tiêu diệt. Nội cung – nơi gắn liền với cuộc sống thường ngày của những người phụ nữ – đó là không gian hiểm ác mà một khi đã bước chân vào, người phụ nữ chẳng thể nào tìm được lối ra. Sống là người của Từ Cẩm Thành thì chết cũng ở Từ

Cấm Thành. Trần Thuỳ Mai đã mượn lời của một sử quan triều Nguyễn, Phạm Đăng Hưng – là cha của Phạm Thị Hằng – nhắc lại những lời đúc rút kinh nghiệm “đưa con vô nội” từ trong dân gian: “Đưa con vô nội biết đời nào ra” [9; 287]. Với phẩm chất của một người chép sử – công tâm, khách quan, thẳng thắn và chính trực, Phạm Đăng Hưng vô cùng hoảng hốt khi biết con mình phải tiến cung theo lệnh vua. Trước lệnh tiến cung vua ban, không khí u ám bao trùm gia đình Phạm Đăng Hưng. Người cha “rom róm nước mắt”, “thương con đứt ruột” còn Phạm Thị Hằng thì buồn rầu khóc lóc cả đêm. Việc tiến cung tưởng chừng như là chuyện vui nhưng dưới góc nhìn của một sử quan – đó lại là nỗi thống khổ nhất đối với một người làm cha như ông – nó chất chứa những dự cảm đầy xót xa của ông về cuộc đời con gái mình. Quyền lực của vua là tối cao nên vua ung ai thì người đó phải phục tùng.

Chốn cung đình đại diện cho quyền uy nhưng đó là quyền uy thuộc về nam giới. Hậu cung – không gian gắn liền với giới nữ – nhưng nơi đó cũng là nơi người phụ nữ chịu sự kiểm soát chặt chẽ nhất. Dưới ngòi bút của Trần Thuỳ Mai, cung đình không hiện ra như một “thiên đường” đáng mơ ước mà đó là một nỗi khiếp sợ đối với đàn bà: “Hoàng cung tuy rộng lớn, nhưng không phải là mặc tình muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm... Muốn đi đâu, làm gì cũng phải trình báo với nữ quan ghi vào sổ sách... Tình vợ chồng trong hoàng thất cũng phải theo đúng lễ, không phải tùy tiện theo vợ chồng dân đen... Khi lấy chồng rồi thì phải tôn kính chồng, mỗi bữa ăn đều phải hai tay bưng mâm lên ngang lòng mày mà dâng lên” [9; 364]; những người phụ nữ một khi đã tiến cung sẽ không bao giờ được xuất cung về nhà với cha mẹ; phần lớn những người cung nữ “tiêu mòn dần tuổi thanh xuân trong cung cấm lạnh lẽo” [9; 9]. Đặc biệt, “trong cung chính là chỗ thiếu an toàn nhất! Ta xưa nay sợ nhất là phải đưa con vào cung sống cuộc đời phi tử, cháu vua chực chửa lo lắng túi hồ lấm chửi sung sướng cái gì?” [9; 225]. Muốn tránh mà không thể tránh nổi, Phạm Thị Hằng vẫn phải tiến cung và chấp nhận những tháng ngày tuổi trẻ trôi đi trong sự tủi phận, khổ đau, thị phi, tai tiếng... Đó là những tháng ngày nhớ mẹ, nhớ cha đến mỗi mòn mà không thể trở về. Sáu năm sau ngày tiến cung, Phạm Thị Hằng chưa một lần được trở về thăm gia đình. May mắn mỉm cười đối với Phạm Thị Hằng khi lần đầu được trở về thăm cha (may mắn ấy cũng là do vua ban phát) thì cũng là lần cuối nàng được gặp cha mình. Giờ phút sinh ly tử biệt ấy mới thấy rõ sự đau đớn khổ sở của người con gái tiến cung. Cũng chính vì sự khiếp sợ ấy mà Thục Tân – một phi tần được vua Minh Mạng sủng ái – khi bị bỏ rơi ngoài nhân gian do mưu đồ hậu cung – đã lựa chọn nỗi thống khổ bị bỏ rơi, nuôi con một mình trong tủi nhục, đau đớn còn hơn là trở lại cung cấm. Khi được minh oan, được vua đón về cung, nàng nhất quyết chối từ cuộc đời phi tử. Chỉ cần nghĩ đến cảnh sống trong cung luôn phải đề phòng dò xét, “lòng nàng không khỏi ghê sợ!... Lòng ta nhất quyết không muốn trở lại cuộc đời phi tử bó buộc nữa” [10; 167].

Đáng sợ nhất trong Tử Cấm Thành chính là lãnh cung – không gian giam cầm – nơi người phụ nữ bị tước đoạt hoàn toàn quyền con người. Trong không gian ấy, người phụ nữ bị đối xử như một người mang trọng tội, bị rẻ rúng, bị xem thường và luôn luôn phải sống trong nỗi sợ hãi ngày tận thế. Trong *Từ Dụ thái hậu*, không gian ấy được miêu tả là một nơi âm u, hoang vắng, cỏ mọc um tùm. Đó là một dãy nhà cũ kĩ – một hành lang dài thâm u với những vách tường loang lổ, từng mảng vôi bong tróc, mọi thứ đều tối tăm, cũ kĩ. Những người phụ nữ bị đẩy vào lãnh cung là những phi tần vi phạm cung quy hoặc cũng có thể vì những lí do “bất thành linh” nào đó (có khi là từ một âm mưu tranh sủng hoặc thủ tiêu lẫn nhau vì tranh giành quyền lực, địa vị) mà họ bị thất sủng, bị bỏ rơi, bị rề bủ, miệt thị. Một khi đã bước chân đến chốn thâm u này, người phụ nữ dường như sẽ chôn vùi những ngày tháng còn lại của đời mình trong đó. Đã vào lãnh cung, họ sẽ không thể nào ra được. Điều đáng sợ nhất ở lãnh cung không phải là sự thiếu thốn vật chất mà là nỗi ám ảnh tinh thần và thể xác. Việc “thi hành án” có thể đến với họ bất cứ lúc nào – kể cả khi họ chẳng có tội tình gì: “Ở lãnh cung, nghĩa là không được ai bảo vệ cả. Dưới tay Tổng quản Trần có sẵn một đội võ sĩ chuyên được sai phái trong những việc hết sức bí mật: hãm dọa, bắt cóc, thậm chí thủ tiêu, ám sát” [9; 358].

Nhân vật chính Phạm Thị Hằng cũng bị đẩy vào lãnh cung như thế. Đó là kết quả của một âm mưu tranh quyền đoạt lợi nhằm thủ tiêu nàng. “Trong lãnh cung, từ lúc bị tống vào khu biệt giam cấm cố, Hằng chết lặng, tưởng như đang đi trên mặt đất bỗng bất ngờ hụt chân rớt xuống vực sâu... Trời ơi, ai gặp lửa bỏ tay thâm độc thế này... Hằng khóc lóc vật vã, chạy ra cửa, điên cuồng lay song sắt. Nhưng vô ích, song cửa tù kiên cố trơ trơ, lạnh buốt trong tay nàng” [10; 249]. Và để dọn đường cho bước tiếp theo – một sự thủ tiêu tàn độc – Hằng đã bị đánh thuốc mê và một hiện trường giả tự tử với chiếc thòng lọng đã được chuẩn bị sẵn để kết liễu cuộc đời nàng.

Diễn ngôn trong *Từ Dụ thái hậu* là sự phong phú trong diễn ngôn về quyền lực và vị thế người phụ nữ. Giữa một bức tranh toàn cảnh về sự nối tiếp của các triều đại phong kiến, trong một không gian bị thống trị bởi quyền lực tối thượng của nam giới, cuộc đời Phạm Thị Hằng là một vạch nổi khẳng định sức mạnh, quyền lực và vị thế riêng của nữ giới trong xã hội gia trưởng. Vượt lên trên thân phận nạn nhân, bị lệ thuộc, bà không bị cuốn vào những mưu đồ tranh quyền, đoạt sủng theo cách những nữ nhi thường tình vẫn làm. Thay vào đó, bà dùng chính sự khiêm nhường, đức hạnh và trí tuệ của mình để cảm hoá các đấng quân vương, thiết lập quyền lực mềm và khẳng định vị thế quan trọng của bà trong lịch sử triều Nguyễn. Giữa những cơn bão tàn khốc của lịch sử, giữa những âm mưu ghê sợ chốn cung đình, giữa những khúc quanh đau buồn nhất của lịch sử, “bà như một dòng nước mát xoa dịu, hàn gắn những thương đau” [9; 5]. Với ý nghĩa ấy, tác phẩm đã đặt ra một góc nhìn mới về quyền lực và vị thế của người phụ nữ: nếu người phụ nữ đạt được quyền lực bằng con đường chiếm đoạt, bằng những mưu mô và thủ đoạn, người phụ nữ không thể có được hạnh phúc trọn vẹn và sự tôn trọng từ các chủ thể khác (như nhi phi Trần Thị Đàng); người phụ nữ chỉ có thể đạt được quyền lực và vị thế của mình một cách trọn vẹn nhất bằng đức độ, phẩm hạnh, trí tuệ, sự khoan dung (như Từ Dụ thái hậu).

2.2.2. Diễn ngôn về tình yêu, hôn nhân trong gia đình của giới nữ

Tiểu thuyết *Từ Dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai không chỉ là một bức tranh tái hiện lịch sử triều Nguyễn mà còn là một diễn ngôn sâu sắc về sự lệ thuộc của người phụ nữ trong tình yêu và hôn nhân gia đình. Qua cuộc đời của Từ Dụ Thái hậu và các nhân vật nữ khác, tác phẩm là diễn ngôn về sự áp đặt của lễ giáo phong kiến cũng như sự phủ định mạnh mẽ quyền được hạnh phúc đối với người phụ nữ trong chế độ đa thê.

Từ Dụ thái hậu đặt ra vấn đề tình yêu, hôn nhân của giới nữ trong một chế độ xã hội chịu áp đặt nặng nề của lễ giáo phong kiến. “Tam tòng tứ đức” là hệ thống chuẩn mực do thể chế xã hội nam quyền đặt ra đã trở thành công cụ kiểm soát chặt chẽ đối với người phụ nữ. “Tại gia tòng phụ” – những người phụ nữ không có tình yêu tự do và cũng không được tự do lựa chọn người bạn đời của mình. Tất cả đều là những cuộc hôn nhân sắp đặt dựa trên những toan tính cá nhân hoặc những mưu đồ chính trị – tham vọng quyền lực – tham lam kinh tế (các quan lại cho con gái tiến cung để con gái trở thành công cụ củng cố quyền lực chính trị hoặc mang lại những lợi ích kinh tế cho gia tộc). Khi ấy, hôn nhân không phải là “trái ngọt hạnh phúc” mà trở thành nơi giam hãm, cầm tù, thậm chí là mồ chôn khát vọng hạnh phúc của những cô gái trẻ. Vua Minh Mạng đã dạy dỗ các hoàng tử của mình rằng: “Làm trai thường dân cũng đã năm thê bảy thiếp, làm vương công hoàng tử thì sau này trong viện ngoài phủ phải ít nhất năm sáu chục đàn bà. Càng nhiều thê thiếp càng chứng tỏ mức độ giàu sang cao quý” [9; 272]. Trong chế độ xã hội khuyến khích đa thê, kẻ cả đời chỉ có một vợ bị coi là hàng cùng đinh khó rách, bị xem thường, bị khinh bỉ. Bởi thế, các ông vua Nguyễn đều nạp rất nhiều cung tần, mỹ nữ. Vua Minh Mạng khẳng định: “Cung tần đông đảo như vậy, thật ra trăm đâu có dùng hết, phần lớn trăm đâu có biết mặt mũi ra sao. Nhưng con số đàn bà trong cung nói lên sức mạnh quyền lực của bậc đế chủ. Vua chúa bên Tàu, số mỹ nữ trong cung lên tới hai ngàn, ba ngàn, nay trăm làm vua nước Nam thời thịnh trị, bốn năm trăm cung nga cũng chưa phải là nhiều” [9; 413].

Trong chế độ đa thê, mọi nỗi khổ cực, tủi nhục đều thuộc về nữ giới. Họ không được quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân của cuộc đời mình và rồi sau đó là những tháng ngày dài đằng đẵng, họ phải tòng thuộc vào nam giới. Hôn nhân sắp đặt, tình vợ chồng (vốn người

phụ nữ nào chả muốn độc tôn độc sủng) phải “chia trăm sẻ nghìn” liệu có người phụ nữ nào có được hạnh phúc? “Trong lòng một người đàn ông... khi người này đã lọt vào thì người khác bị đẩy ra, không còn dấu vết” [9; 392]. Bởi thế, ai may mắn được là vị trí số một thì cũng phải ngậm ngùi chấp nhận cảnh “chia trăm”, còn nếu không giữ vị trí ấy thì họ có thể bị thay thế, bị lãng quên, bị đẩy đi, thậm chí biến mất không để lại dấu vết nào.

Nhìn lại lịch sử tinh thần của những người phụ nữ ta có thể thấy rõ điều đó. Đứng đầu hậu cung triều vua Gia Long – hoàng hậu Tống Thị Lan – người phụ nữ hiền hậu, đoan trang được chính hoàng tôn Nguyễn Phúc Ánh khi vừa mới xưng vương đưa lễ vật xin cưới. Bà đã trải qua biết bao những ngày tháng lưu lạc long đong vất vả cùng Nguyễn Ánh trong xứ phương Nam bung biển lầy lội nhưng khi Nguyễn Ánh lên làm vua – bà đã bị lãng quên ngay cả khi bà vẫn đang tồn tại: “Đã lâu lắm rồi, hoàng đế Gia Long không còn ngự qua đêm ở cung Khôn Thái nữa” [9; 17]. Bà đã sống những ngày tháng cuối cùng của mình trong nỗi đau u buồn vì mất con và bị chồng quên lãng.

Nếu Tống Thị Lan là người được vua chọn làm chính thê thì nhị phi Trần Thị Đang lại là người được Nguyễn Phúc Ánh nạp chỉ để làm yên lòng thái hậu. Bởi thế, dù bà đã kề vai sát cánh, đồng cam cộng khổ hàng chục năm trời cùng ông gây dựng nghiệp đế vương – nhưng ông trước sau như một – vẫn một thái độ lẩn tránh bà. “Hầu như cả năm hoàng đế không ngự tới cung Đoan Trang của Nhị phi lấy một lần” [9; 26]. Bà luôn phải sống trong nỗi hờn ghen uất ức. Công lớn nhưng tình nông, “đến ngày chiến thắng, về kinh đô Phú Xuân, bỗng một người đàn bà trẻ hơn, đẹp hơn, xuất thân danh giá hơn bỗng xuất hiện, giành mất cái quyền được kê cận đức vua” [9; 29].

Đặc biệt, Tam phi Ngọc Bình – người mà được Gia Long tha bổng để thể hiện lòng nhân từ, khoan dung – thực chất chỉ là một tù binh bị bắt làm tỳ thiếp. Thân phận tỳ thiếp – tù binh chiến tranh – tiếng là được vua yêu chiều, danh là được vua sủng ái nhưng thực chất nàng phải sống những ngày tháng tủi nhục, ê chề hơn cả thân phận kẻ hầu người hạ. “Thấy bộ dạng Ngọc Bình thảm hại như vậy, trong lòng nhà vua dặng lên một cảm giác hứng thú vô bờ đến... Thấy nàng khóc lóc trầm cử tưởng như cái ngày chiến thắng ấy mới xảy ra hôm qua đây thôi” [9; 59]. Trong mối quan hệ ấy, tam phi thực chất là một thứ chiến lợi phẩm, là nô lệ bị chiếm hữu, là công cụ mua vui, làm thoả mãn niềm hạnh phúc hạ hê của kẻ chiến thắng.

Người phụ nữ quyền lực và may mắn nhất trong chốn hậu cung triều Nguyễn là Phạm Thị Hằng. Phạm Thị Hằng được Miên Tông yêu và chọn làm chính thất. Vậy mà, những cảnh tình vợ chồng thủy chung mãi mãi như lời thề đêm tân hôn cũng chỉ là dĩ vãng. “Thực tế đã đến, làm người đàn bà trong nội đình rốt cuộc không thể không chấp nhận cảnh chồng chung. Giác mơ ngắn ngủi đã qua, để lại trong lòng Hằng một cảm giác trống vắng, đổ vỡ không sao tả xiết” [10; 71].

2.3.3. Diễn ngôn về sự thật – phản đề và tái diễn giải vấn đề liên quan đến giới nữ

Một trong những điểm nhấn quan trọng trong lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault chính là phương pháp phê phán diễn ngôn. Để giải mã quyền lực ẩn sau diễn ngôn, M. Foucault đã đề xuất cách tiếp cận giải cấu trúc diễn ngôn. Điều này đã chỉ ra những vấn đề cần quan tâm khi phân tích diễn ngôn: chủ thể diễn ngôn (ai là người có quyền nói, ai bị bịt miệng – bị cấm phát ngôn), nội dung diễn ngôn (được nói về cái gì? cái gì bị che giấu), chất vấn “sự thật” (một khi có sự kiểm soát diễn ngôn thì tất yếu có việc sự thật bị che giấu, sự thật được “nhào nặn”...)

Trong chốn cung đình, mọi vấn đề liên quan đến giới nữ đều bị kiểm soát. Chế độ quân chủ không chỉ kiểm soát người phụ nữ bằng hệ thống những quy tắc chặt chẽ bắt họ phải tuyệt đối tuân thủ mà còn kiểm soát diễn ngôn về họ trên cơ sở củng cố quyền lực nam giới. Những diễn ngôn liên quan đến giới nữ – sự thật về nữ giới cũng bị quyền lực nam giới thống trị, nhào nặn theo cách riêng của mình. Người phụ nữ không chỉ bị kiểm soát trong lời ăn tiếng nói (được nói cái gì, cấm nói cái gì, phải nói thế nào...) mà cả những tri thức, diễn ngôn, lịch sử liên quan đến giới nữ cũng đều bị thao túng. Điều này được thể hiện sâu sắc qua nghi án Mỹ Đường.

Từ góc độ lịch sử, nghi án Mỹ Đường cho đến nay vẫn là một ẩn số. Hiện nay, qua những sách sử có liên quan đến các đời vua triều Nguyễn, nghi án Mỹ Đường được đề cập đến vồn vện

khoảng đôi dòng trong *Đại Nam liệt truyện*: “Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), Mỹ Đường bị người mật tố cáo là tư dâm với mẹ là người họ Tống. Tống thị phải tội dim mình xuống nước cho chết” [19]. “Người mật” ấy là ai? Nội dung tố cáo là gì? Tin mật ấy là thật hay giả?... Tất cả sẽ còn là một câu hỏi lớn không thể trả lời mà chính sử triều Nguyễn đã để lại. Chính “vùng mờ” này đã trở thành xuất phát điểm để Trần Thủy Mai thể hiện những diễn giải của mình về vấn đề liên quan đến cái chết của Tống Thị Quyên từ một góc nhìn mới mang đậm dấu ấn nữ quyền.

Từ góc độ văn học, bằng việc lựa chọn người kể chuyện ngôi thứ ba với điểm nhìn biết tuốt, Trần Thủy Mai đã chú ý đan cài các chi tiết để người đọc tự tìm ra sự thật ẩn chìm đằng sau nghi án. Gốc rễ của nghi án xuất phát từ thái độ bất mãn của mẹ con Tống Thị Quyên trước những nỗ lực nhằm củng cố quyền lực trong tay Minh Mạng và triệt tiêu khả năng giành ngôi của Mỹ Đường. “Nó không muốn gọi là Tôn thất à? Cũng được, dễ thôi mà. Cứ làm như vậy đi, việc này, ta giao cho người” [9; 312]. Bằng việc đan cài tỉ mỉ những chi tiết diễn ra trong đêm hôm đó ở Anh Duệ vương phủ, Trần Thủy Mai đã cho thấy đây thực chất mà một âm mưu chính trị nhằm củng cố quyền lực và thanh lí nội bộ trong gia tộc nhà Nguyễn.

Thông qua nghi án Mỹ Đường, Trần Thủy Mai thể hiện những suy luận về một khả năng có thể xảy ra với một nghi án tình dục vốn được ghi chép quá sơ sài trong sử sách: có thể đó là một án oan. Đặc biệt, tác giả còn diễn giải khả năng chi phối khiến cho sự thật lịch sử ấy mãi mãi không thể được sáng tỏ. Từ góc nhìn của Lê Văn Duyệt – người được vua giao xử trảm Tống Thị Quyên ngay trong đêm, ông dường như không thể tin được sự việc đó: “Ta thật bán tín bán nghi, chẳng hiểu đầu đuôi thế nào... Ta nghe kì lạ quá, không thể tin được ông ạ!... Ta sao dám nói là không tin vua. Nhưng sợ rằng nguồn tin đến tai vua chưa xác đáng!... Xử lí ngay có vội vàng quá chăng?... Theo ý lão thần thì nên tạm thời để đó, ngày mai trời sáng ta giao Tam pháp ty và Tôn Nhân phủ xét kĩ sự việc xem thực hư ra sao. Tội đến đâu lúc ấy sẽ xử đến đó. Thế thì mới rõ ràng minh bạch!” [9; 313–316]. Từ góc nhìn của Phạm Đăng Hưng: “Một mạng người, sao có thể vứt đi vì một tội mà ta chưa biết có hay không” [9; 321]. Điều đó cho chúng ta thấy rằng: từ Tam pháp ty đến Tôn Nhân phủ, từ các đại thần cho đến người chép sử... tất cả đều nằm dưới quyền lực của Vua. Dưới góc nhìn phản đề và sự tái diễn giải, Tống Thị Quyên – thay vì là tội nhân – trở thành nạn nhân, là quân cờ trong tay vua trong ván bài chính trị.

Đặc biệt, qua cuộc đối thoại giữa sử quan Phạm Đăng Hưng và vua Minh Mạng, lịch sử vốn là diễn ngôn khách quan, chân thực nhưng vẫn bị quyền lực của vua chi phối, kiểm soát. Vua Minh Mạng thẳng thắn khẳng định quyền lực tuyệt đối của mình: “Ta là người cai trị, ta phải giữ vững nền chuyên chế. Ta khuyến khích sự thật, giữ gìn công lí, ban thưởng cho đạo đức, nhưng sự thật, công lí hay đạo đức đều phải ở dưới chân ta” [9; 342]. Bởi vậy, diễn ngôn về lịch sử – sự thật về nghi án Mỹ Đường có thể đã bị thao túng. Cho dù có một nhà chép sử chính trực như Phạm Đăng Hưng, cho dù với lương tâm của một người chép sử mà “muốn đem cái chết để đổi lấy sự ngay thật thì cũng không thể được” [9; 345]. Khi ngòi bút sử quan trong tay Phạm Đăng Hưng đã bị trói, lịch sử đã bị thao túng bởi quyền lực.

Bằng việc đưa ra những phản đề và sự tái diễn giải vụ án này, Trần Thủy Mai đã phơi bày bi kịch tàn khốc của người phụ nữ Tống Thị Quyên – một nạn nhân giữa cơn bão tàn khốc của lịch sử.

3. Kết luận

Từ Dụ thái hậu là một trong những tiểu thuyết lịch sử đương đại hiếm hoi đã đi sâu khai thác đề tài hậu cung triều Nguyễn. Khai thác đề tài này, Trần Thủy Mai đã xem xét các vấn đề liên quan đến giới nữ từ góc nhìn thấu hiểu nữ giới. Từ đó, tác giả tái hiện lịch sử trên tinh thần nhân văn, lãng mạn nhưng cũng không kém phần chân thực. Vì thế, tác phẩm là một diễn ngôn sâu sắc về những vấn đề liên quan đến giới nữ: diễn ngôn về quyền lực và vị thế của giới nữ trong xã hội chuyên chế; diễn ngôn về tình yêu và hôn nhân trong gia đình của giới nữ; diễn ngôn về sự thật – phản đề và tái diễn giải vấn đề liên quan đến giới nữ. Trên tinh thần ấy, *Từ Dụ thái hậu* không chỉ

giúp độc giả hiểu hơn về những vấn đề liên quan đến giới nữ trong lịch sử và còn đặt ra những câu hỏi liên quan đến số phận con người – đặc biệt là người phụ nữ trong dòng chảy của lịch sử.

***Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được hỗ trợ một phần kinh phí bởi Trường Đại học Khoa học–Đại học Thái Nguyên trong đề tài mã số CS2024–TN06–19 do TS. Vũ Thị Hạnh làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ĐV Hiểu, (2021). *Lí thuyết văn học hiện đại – khuynh hướng và tiếp nhận*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 160–171.
- [2] PG Thế & TT Khanh, (2016). *Văn học và giới nữ*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [3] HK Vân, (2008). *Từ lí thuyết phê bình nữ quyền nghiên cứu một số tác phẩm văn xuôi của các tác giả nữ Việt Nam từ 1990 đến nay*. Luận văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] NTT Xuân, (2013). *Vấn đề phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn xuôi Việt Nam đương đại (qua sáng tác của một số nhà văn nữ tiêu biểu)*. Luận án, Học viện Khoa học Xã hội.
- [5] NT Hương, (2019). *Ý thức nữ quyền và thơ nữ Việt Nam đương đại từ 1986 đến nay*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] TT Vinh, (2022). *Hình tượng người phụ nữ trong Từ Dụ thái hậu của Trần Thủy Mai*. Luận văn, Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên.
- [7] NH Hà, (2024). *Từ Dụ thái hậu của Trần Thủy Mai từ góc nhìn phê bình nữ quyền*. Luận văn, Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên.
- [8] TPV Anh, (2023). Lịch sử từ điểm nhìn nữ giới. *Tạp chí điện tử Lí luận, phê bình văn học, nghệ thuật*. <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/Nghien-cuu-trao-doi/2484/LICH-SU-TU-DIEM-NHIN-NU-GIOI>.
- [9] TT Mai, (2019). *Từ Dụ thái hậu* (Quyển thượng). NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [10] TT Mai, (2019). *Từ Dụ thái hậu* (Quyển hạ). NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [11] NH Phúc, (2023), “Cung đấu” – yếu tố mới trong dòng chảy văn học Việt Nam hiện đại: nghiên cứu trường hợp tiểu thuyết Từ Dụ thái hậu của Trần Thủy Mai. *Tạp chí Sông Hương*, <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n32029/Cung-dau-Yeu-to-moi-trong-dong-chay-van-hoc-Viet-Nam-hien-dai-Nghien-cuu-truong-hop-tieu-thuyet-Tu-Du-thai-hau-cua-Tran-Thuy-Mai.html>.
- [12] TV Toàn, (2007). Diễn ngôn về giới tính và thi pháp nhân vật (trường hợp của Dững trong Đoạn tuyệt). *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, 8, 40–50.
- [13] TV Toàn, (2014), *Văn học như một diễn ngôn – lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [14] HT Diễm, (2024). Phán đề truyền thống trong Kim Sí Điều (Garuda) của Yi – Mun – Yol nhìn từ góc độ diễn ngôn trần thuật. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(3), 23–30. DOI: <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0045>
- [15] NT Hà, (2018). *Diễn ngôn về giới nữ trong văn xuôi nữ Việt Nam đương đại (khảo sát sáng tác của Dạ Ngân, Y Ban, Lí Lan, Nguyễn Thị Thu Huệ)*. Luận văn, Học viện Khoa học Xã hội.
- [16] NTV Anh, (2017). *Diễn ngôn về giới nữ trong văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Luận án, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [17] TPV Anh, (2016). *Văn xuôi thế hệ các nhà văn nữ sau 1975 – nhìn từ diễn ngôn giới*. <http://huc.edu.vn/van-xuoi-cac-nha-van-nu-the-he-sau1975-nhin-tu-dien-ngon-gioi-124-vi.htm>.
- [18] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, (1997). *Đại Nam liệt truyện (tập 2)*. NXB Thuận Hoá, tr.14.
- [19] TT Mai, (2022), *Công chúa Đồng Xuân*, quyển thượng. NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.